

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/ST-HNGĐ

Ngày: 09 - 6 - 2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc

Ông Nguyễn Xuân Thí

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2019/TLST ngày 08 tháng 08 năm 2019, về việc ly hôn;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 538/2020/QĐ-ST ngày 22/4/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân P, sinh ngày 20/12/1983

Hiện trú tại: 12681 B – H .48/ E 1 Mi L – Nguyen (Cộng hòa liên bang Đức). Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền để liên lạc nhận các văn bản tố tụng: Ông Võ Văn Ph, sinh năm 1981 – Địa chỉ: Thôn B1, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Hương L, sinh ngày 05/01/1982

Hiện trú tại: 13053 B Str 11 Germany (Cộng hòa liên bang Đức). Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt; Thân nhân của chị Phạm Thị Hương L: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1955 – Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện đề ngày 30/7/2019 về việc xin ly hôn và bản tự khai của nguyên đơn anh Phạm Xuân P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân P và chị Phạm Thị Hương L có quá trình tìm hiểu yêu nhau và tiến tới hôn nhân một cách tự nguyện, đã cùng nhau đăng

ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 11/8/2009. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xảy ra cãi cọ, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Năm 2013 anh P sang Đức làm ăn, đến năm 2015 chị L cũng sang Đức. Tuy cả hai cùng sống ở Đức nhưng mỗi người ở một thành phố khác nhau, không sống chung cùng nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, sống ly thân đã 5 năm nay. Thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn nên anh và chị L cùng thống nhất ly hôn. Vì vậy, anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh và chị L được ly hôn để mỗi người ổn định cuộc sống riêng.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có với nhau 02 người con chung đó là cháu Phạm Nhất T2, sinh ngày 02/3/2010 và cháu Phạm Nhất T1, sinh ngày 28/5/2012. Vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị Hương L có bản tự khai đề ngày 20/02/2020, được Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hoà liên bang Đức xác nhận và bản tự khai bổ sung lập ngày 16/4/2020, với nội dung: Chị và anh Phạm Xuân P có quá trình yêu nhau và kết hôn tự nguyện như anh P trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian do kinh tế gia đình khó khăn nên năm 2013 anh P sang Cộng hoà liên bang Đức làm ăn, đến năm 2015 chị cũng sang Đức để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh P đã có người phụ nữ khác và đã có con chung với nhau nên chị quyết định không sống chung với anh P nữa mà quyết định ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đó là cháu Phạm Nhất T2 sinh ngày 02/3/2010 và cháu Phạm Nhất T1, sinh ngày 28/5/2012. Hiện hai con đang ở với bà ngoại (mẹ ruột của chị L). Vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận giao 2 con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh P cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000đ.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thực hiện việc uỷ thác tư pháp tại văn bản số 1576/UTTPDS-TA46 ngày 19/9/2019 cho Đại sứ quán của Việt Nam tại Cộng hoà liên bang Đức và văn bản số 184/UTTPDS-TA46 ngày 10/02/2020 để tổng đạt các giấy tờ của Toà án cho chị Phạm Thị Hương L. Tại văn bản số 02/ĐSQ-UTTP ngày 10/01/2020 của Đại sứ quán của Việt Nam tại Cộng hoà liên bang Đức gửi cho Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình về kết quả uỷ thác: Đại sứ quán của Việt Nam tại Cộng hoà liên bang Đức đã tổng đạt thông báo thụ lý số 1326/TB-TLVA ngày 08/8/2019 và giấy triệu tập số 1575/GTT-DS ngày 19/9/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình cho chị Phạm Thị Hương L nhưng không có thông tin trả lời. Kèm theo văn bản trả lời là Biên bản xác nhận về việc gửi Thông báo, giấy triệu tập và bản niêm yết đối với đương sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng

quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 5 Điều 477 BLTTDS, các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Phạm Xuân P và chị Phạm Thị Hương L được ly hôn. Về quan hệ con chung: Giao 2 con chung cho chị Phạm Thị Hương L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn của Anh Phạm Xuân P, sinh ngày 20/12/1983 - Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã T, huyện Bó Trách, tỉnh Quảng Bình, hiện trú tại: 12681 B – He .48/ E L – Nguyen (Cộng hòa liên bang Đức) đối với bị đơn chị Phạm Thị Hương L, sinh ngày 05/01/1982 - Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình, hiện trú tại: 13053 B L Str 11 Germany (Cộng hòa liên bang Đức). Anh P về nước vào ngày 08/7/2020 đến tại Tòa án nộp đơn ly hôn sau đó quay trở lại Đức vào ngày 07/8/2019. Trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Xuân P và bị đơn chị Phạm Thị Hương L đều đang cư trú tại Cộng hòa liên bang Đức, do đó căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 BLTTDS Tòa án thụ lý vụ án theo thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 474 BLTTDS đối với các đương sự. Nguyên đơn anh Phạm Xuân P có văn bản uỷ quyền lập ngày 01/8/2020 được UBND xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình xác nhận uỷ quyền cho anh Võ Văn P liên lạc nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án. Đối với Bị đơn chị Phạm Thị Hương L, Tòa án đã tiến hành uỷ thác thông qua cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức, chị L đã có bản tự khai, lời trình bày có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa ngày 08/5/2020, nguyên đơn anh Phạm Xuân P, bị đơn chị Phạm Thị Hương L vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 BLTTDS quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn anh Phạm Xuân P, bị đơn chị Phạm Thị Hương L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân P và chị Phạm Thị Hương L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 11/8/2009, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh P trình bày nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xảy ra cãi cọ, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Năm 2013 anh

P sang Đức làm ăn, đến năm 2015 chị L cũng sang Đức. Theo chị L, khi chị sang Đức mục đích vừa để làm ăn cải thiện kinh tế gia đình nhưng cũng để vợ chồng đoàn tụ nhưng khi chị qua Đức thì anh P đã có người phụ nữ khác và đã có 1 đứa con với họ nên chị quyết định không sống chung với anh P nữa. Hiện nay, anh P, chị L đều sinh sống tại CHLB Đức nhưng mỗi người ở một thành phố khác nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh P, chị L thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cả hai đều không mong muốn đoàn tụ mà cùng thống nhất ly hôn. Vì vậy, anh P làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn, chị L cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Xuân P để xử cho anh Phong và chị Phạm Thị Hương L được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

2.2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Nhất T2 sinh ngày 02/3/2010 và Phạm Nhất T1, sinh ngày 28/5/2012. Hiện hai con đang ở với bà ngoại (mẹ ruột của chị L). Chị L trình bày sau khi ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi hai con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/2 cháu/1 tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thoả thuận nuôi con của anh P và chị L là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Phạm Nhất T2 Phạm Nhất T1 trình bày tại đơn đề ngày 25/4/2020 cũng như ý kiến của bà Nguyễn Thị L1 là mẹ đẻ của chị L – người đang trực tiếp chăm sóc 2 cháu T2, T1. Vì vậy, cần chấp nhận để giao hai cháu Phạm Nhất T2, Phạm Nhất T1 cho chị Phạm Thị Hương L chăm sóc nuôi dưỡng, anh Phạm Xuân P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị L mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

2.3. Về quan hệ tài sản: Anh Phạm Xuân P và chị Phạm Thị Hương L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí uỷ thác tư pháp: Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Phạm Xuân P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 200.000đ tiền lệ phí uỷ thác tư pháp. Tổng cộng anh P phải chịu 800.000đ.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; các Điều 227, Điều 235, khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân, xử: Anh Phạm Xuân P và chị Phạm Thị Hương L được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung, xử: Giao 02 cháu Phạm Nhất T2, sinh ngày 02/3/2010 và Phạm Nhất T1, sinh ngày 28/5/2012 cho chị Phạm Thị Hương L trực

tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Phạm Xuân P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 3.000.000đ cho hai cháu kể từ tháng 6/2020 đến khi các con tròn 18 tuổi.

3. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí, lệ phí Tòa án: Anh Phạm Xuân P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con và 200.000đ lệ phí uỷ thác tư pháp. Tổng cộng anh Phong phải chịu 800.000đ tiền án phí, lệ phí được khấu trừ vào số tiền 500.000đ tạm ứng án phí, lệ phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số: AA/2017/0006221 ngày 05/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Anh P còn phải nộp 300.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn anh Phạm Xuân P và bị đơn chị Phạm Thị Hương L vắng mặt được biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Võ Bá Lưu